TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 28-12-2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Nhà văn hóa Tổ dân phố 1, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST- DS, ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B; địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 T, phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N – Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh D.

Ông Lê Thanh N ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu N1 theo văn bản ủy quyền số 309/2021/QĐ-LPB.DQ, ngày 23/11/2021. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hà Huyền T và anh Nguyễn Quốc T1; cùng địa chỉ: Khu dân cư X, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-8-2021, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/11/2019, bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 được Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh D – Phòng giao dịch Đ cấp tín dụng với

số tiền là 97.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HĐTD4032019480 ngày 28/11/2019. Mục đích vay là tiêu dùng – mua sắm vật dụng gia đình nội thất; thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; kỳ hạn trả nợ gốc là gốc trả trong 48 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng, số tiền phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 47 là 2.030.000đồng, số tiền phải trả kỳ 48 là 1.590.000đồng, ngày trả vào ngày 20 hàng tháng; kỳ hạn trả lãi là lãi trả hàng tháng, ngày trả vào ngày 20 hàng tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 15,1%/năm; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 28/11/2019 bà Hà Huyền T, ông Nguyễn Quốc T1 đã nhận đủ số tiền vay là 97.000.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, bà T, ông T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho bà T, ông T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Tạm tính đến ngày 20/8/2021, bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 81.383.137 đồng, trong đó: Nợ gốc trong hạn là 56.400.000đồng; nợ gốc quá hạn là 16.267.111đồng; nợ lãi trong hạn là 7.315.381đồng; nợ lãi quá hạn là 1.400.645đồng. Bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 nhưng bà T và ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại tất cả các phiên làm việc, hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh D – Phòng giao dịch Đ, cũng như tại thời điểm Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện thì bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà T, ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều

228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 trả số tiền nợ gốc là 72.667.111đồng (trong đó: Nợ gốc trong hạn là 56.400.000đồng; nợ gốc quá hạn là 16.267.111đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi đối chiếu lại các khoản nợ gốc mà bà T, ông T1 đã thanh toán, nguyên đơn xác định số tiền nợ gốc mà bà T, ông T1 còn nợ nguyên đơn là 72.667.095đồng nên nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc, yêu cầu bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B 72.667.095đồng tiền nợ gốc. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về khoản nợ gốc nêu trên là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HĐTD4032019480 ngày 28/11/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh D – Phòng giao dịch Đ với bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 và các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Ngày 28/11/2019 bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh D – Phòng giao dịch Đ số tiền 97.000.000đồng.

[2.3] Theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HĐTD4032019480 ngày 28/11/2019 thì bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 phải có nghĩa vụ trả lãi (theo mức lãi suất cho vay trong hạn là 15,1%/năm) và nợ gốc hàng tháng cho Ngân hàng trong thời hạn 48 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; kỳ hạn trả nợ gốc là gốc trả trong 48 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng, số tiền phải trả từ kỳ 01 đến kỳ 47 là 2.030.000đồng, số tiền phải trả kỳ 48 là 1.590.000đồng, ngày trả gốc và lãi là vào ngày 20 hàng tháng.

[2.4] Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, bà T và ông T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh D – Phòng giao dịch Đ; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho bà T, ông T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả.

[2.5] Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ xác định: Bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 chỉ mới trả được cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B 24.332.905đồng tiền nợ gốc và 12.648.406đồng tiền lãi trong hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2021) thì bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng số tiền là 85.867.990đồng, trong đó: Nợ gốc 72.667.095đồng; nợ lãi trong hạn là 10.030.376đồng; nợ lãi quá hạn là 3.170.519đồng.

[2.6] Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện yêu cầu bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn

cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Đối với bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1, mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện nhưng bà T, ông T1 không có ý kiến phản đối và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà T và ông T1 phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bà T, ông T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng là: 85.867.990đồng x 5% = 4.293.000đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.035.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

2. Buộc bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2021) là 85.867.990đồng (tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi đồng), trong đó:

- Nợ gốc 72.667.095đồng (bảy mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm chín mươi lăm đồng);

- Nợ lãi trong hạn là 10.030.376đồng (mười triệu không trăm ba mươi nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng);

- Nợ lãi quá hạn là 3.170.519đồng (ba triệu một trăm bảy mươi nghìn năm trăm mười chín đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HĐTD4032019480 ngày 28/11/2019.

4. Về án phí: Bà Hà Huyền T và ông Nguyễn Quốc T1 phải chịu 4.293.000đồng (bốn triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 2.035.000đồng (hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000015 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong